

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Lá.
- Ông Hoàng Văn Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phán – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 2001; địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Đức H, sinh năm 2001; địa chỉ: Khu P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Đức H kết hôn vào ngày 08 tháng 9 năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tìm hiểu khoảng 01 năm, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm, đến tháng 8 năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình, sau khi chị đẻ con được 02 tháng thì anh H đi làm công ty, chị và con về bên ngoại ở, từ khi anh H đi làm công ty khi được tiền lương cũng không gửi tiền về để chăm lo cho vợ con mà tiêu sài hết, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, nghi ngờ lẫn nhau. Chị và anh H sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, cháu Triệu Đức A, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2021. Chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị T cung cấp giấy xác nhận thu nhập lương hàng tháng; giấy xác nhận chia đất đảm bảo để mẹ con sinh sống và không ảnh hưởng đến môi trường học tập của con để chứng minh điều kiện về nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của chị T trong cuộc sống vợ chồng không tạo lập được khối tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng anh Triệu Đức H cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được về yêu cầu đòi ly hôn, con chung và tài sản chung. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh H không có mặt nên đã thông báo kết quả cho anh H được biết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 11/8/2023 ông Triệu Đức H1 cho biết: Ông là bác ruột của anh Triệu Văn H2 nhà ở gần nhau. Năm 2023 vào khoảng tháng 3 ông có nghe thấy cháu dâu là Nông Thị T viết đơn xin ly hôn với Triệu Văn H2 vì lý do tết âm lịch năm 2023 H2 đi làm công nhân về nghỉ tết cháu T có hỏi H2 đưa tiền để mua bím, sữa cho con và tiền sắm tết, nhưng H2 nói không có tiền dẫn đến hai vợ chồng cãi nhau to tiếng. Sau khi ăn tết xong cháu T bỏ về bên ngoại, thỉnh thoảng mới bế con về bên nội, mấy tháng gần đây ông không thấy T quay về bên nội lần nào. Vào khoảng tháng 6 năm 2023 ông có nhận được giấy triệu tập Hiếu của Tòa án, ông có giao cho bố của H2. Khi H2 đi làm về ông có bảo là T có đơn xin ly hôn ý của cháu thế nào, H2 trả lời tùy nó thích làm thế nào thì làm, ông nói lại với H2 phải lên Tòa xem giải quyết thế nào.

Theo ông là vợ chồng này không thể quay về chung sống với nhau được vì xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, gia đình cũng khuyên bảo nhiều lần không được, Tòa án nên giải quyết cho ly hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T, xử cho chị Nông Thị T ly hôn với anh Triệu Đức H và

chị Nông Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Đức A cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Triệu Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Chị Nông Thị T giao nộp chứng cứ cho Toà án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ tùy thân, giấy khai sinh của con chung; Giấy sang nhượng đất; giấy xác nhận thu nhập lương.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án không tiến hành hoà giải được do anh Triệu Đức H được thông báo hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình không đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Triệu Đức H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Kiểm sát viên, nguyên đơn không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn và yêu cầu phiên tòa được tiếp tục. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Triệu Đức H kết hôn vào ngày 08 tháng 9 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã là do anh Triệu Đức H đi làm công ty không chịu gửi tiền về chăm lo vợ con, anh chị đã không còn sống chung từ cuối năm 2022, việc này đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nông Thị T và anh Triệu Đức H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Thị T yêu cầu ly hôn với anh Triệu Đức H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Triệu Đức H có 01 con chung Triệu Đức A, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2021. Chị T yêu cầu được nuôi con. Xét yêu cầu của chị T về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn là có căn cứ vì chị T đã cung cấp mức thu nhập ổn định hàng tháng 10.000.000 đồng, gia đình bên ngoại hỗ trợ chị về chỗ ở gần với trường học nơi con chị đang theo học do đó việc giao con cho chị T sẽ đảm bảo được về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập cho cháu, việc này phù hợp với nguyện vọng của chị T nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Anh Triệu Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Đối với anh Triệu Đức H: Tòa án đã thông báo, triệu tập nhiều lần đến Tòa để giải quyết nhưng anh H cố tình vắng mặt. Do vậy anh H không đủ điều kiện nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T. Xử cho chị Nông Thị T ly h với anh Triệu Đức H.

2. Về con chung: Chị Nông Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Đức A, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2021, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Triệu Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003309 ngày 16/6/2023.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND thị trấn C, huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hoàng Thế Khuynh